

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2024/HC-PT

Ngày: 23/4/2024

V/v “*Khởi kiện quyết định hành chính  
và yêu cầu bồi thường khi thu hồi đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông **Phạm Tồn**.
- **Các Thẩm phán:** ông **Nguyễn Tấn Long** và ông **Phạm Ngọc Thái**.
- **Thư ký phiên tòa:** ông **Trần Xuân Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Lê Văn Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 400/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 705/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Vợ chồng ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Văn Thị Thanh N, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: số B N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông T có mặt, bà N vắng mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông T:** ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1960; địa chỉ: số D L, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông T:** Luật sư Nguyễn Tấn H – Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh P. Có mặt.

- **Người bị kiện:** Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Bà Nguyễn Thị Bích D (Phó Phòng) và ông Nguyễn Minh G (Cán bộ) Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
2. Hạt kiểm lâm thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.
3. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình tố tụng, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Thực hiện theo chương trình trồng rừng để phát triển sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, có 48 hộ được giao đất lâm nghiệp để trồng rừng. Trong 48 hộ được giao, có hộ ông Phan Ngọc A và hộ ông Phan Văn D1, mỗi hộ được giao 0,5 Ha, theo sổ lâm bạ được cấp ngày 30/5/1995 do Hạt kiểm lâm huyện T (cũ), thuộc lô số 41 và 42 thuộc khu vực sông Đ rằng bờ N1, thời hạn sử dụng là 50 năm, kèm theo bản đồ giao đất trồng rừng.

Do hoàn cảnh khó khăn, hộ ông Phan Ngọc A và ông Phan Văn D1 không có điều kiện trực tiếp sản xuất, nên đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất được giao 01 ha cho gia đình ông T vào năm 1996.

Vì điều kiện sản xuất kinh doanh lâm nghiệp cần phải có chỗ chứa nhiều vật dụng, nên vào năm 2000 ông T đã xây dựng lán trại diện tích khoảng 40m<sup>2</sup> trên khu đất, có kết cấu xây dựng tường gạch, mái lợp tôn.

Năm 2009, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4161/QĐ-UBND thu hồi 5.000m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất của ông Phan Ngọc A và Quyết định số 4246/QĐ-UBND thu hồi 5.000m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất của ông Phan Văn D1 để thực hiện dự án, nhưng không tổng đạt 02 Quyết định thu hồi này cho gia đình ông T. Khi ông nhận được Thông báo số 90/TB-HĐBT ngày 28/12/2009 của Hội đồng bồi thường về việc chi trả tiền bồi thường thì ông mới biết được 02 Quyết định thu hồi đất nêu trên.

Ngày 25/01/2022, UBND thành phố T ra Quyết định xử phạt số 08/QĐ-XPHC, cho rằng gia đình ông T chiếm đất nông nghiệp diện tích 105,4m<sup>2</sup> và đã vi phạm xây nhà chính có nền móng, tường bao bằng gạch, mái lợp tôn trên đất, đồng thời xử phạt 8.000.000đ về vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Ngày 25/5/2022, UBND thành phố T ra Quyết định cưỡng chế số 02/QĐ-CCXP, cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPHC ngày 25/01/2022.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 08/QĐ-XPHC ngày 25/01/2022; Quyết định số 02/QĐ-CCXP ngày 25/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên và đồng thời khởi kiện bổ sung yêu cầu UBND thành phố T lập phương án bồi thường tài sản, đất khi thu hồi.

Ủy ban nhân dân thành phố T ***có văn bản ngày 14/12/2022 trình bày ý kiến của UBND và Chủ tịch*** UBND thành phố T ***vào như sau:***

Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất của ông T:

Ngày 30/6/1995, Hạt Kiểm lâm huyện T (cũ) cấp sổ lâm bạ cho ông Phan Ngọc A diện tích 0,5 Ha đất để trồng phi lao tại khu vực Bãi soi, sông Đ, thị trấn P (N là phường P), thời hạn sử dụng đất 50 năm, có bản đồ vị trí lô đất kèm theo thể hiện lô đất giao cho ông A có ký hiệu số 42. Ngày 06/9/1996, ông Phan Ngọc A chuyển nhượng lại cho ông T toàn bộ diện tích đất nói trên (*Bằng giấy viết tay*).

Ngày 30/6/2009, UBND tỉnh P ban hành Quyết định số 1206/QĐ- UBND thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hạ tầng khu đô thị M thành phố T (*Giai đoạn I*) thuộc Dự án hạ tầng nam T - V

Ngày 01/10/2009, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4161/QĐ-UBND về việc thu hồi: 5000m<sup>2</sup> đất, loại đất: Đất trồng rừng sản xuất của hộ ông Phan Ngọc A, trú tại khu phố B, phường P thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ địa chính số 21, tại phường P, thành phố T.

Ngày 28/12/2009, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5438/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thi công công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới nam thành phố T, trong đó hộ ông Phan Ngọc A (Nguyễn Văn T) được hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu số tiền 45.951.272đ, không bồi thường về đất và các khoản hỗ trợ khác.

Ngày 10/4/2017 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1280/QĐ-UBND phê duyệt phương án BTHT&TĐC bổ sung lần 2, trong đó có trường hợp ông Phan Ngọc A (Nguyễn Văn T) số tiền 19.623.847đ.

Ngày 13/9/2017, UBND tỉnh P có Thông báo số 611/TB-UBND Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, xác định loại đất trong Quyết định giao đất cho 48 hộ dân (*Trong đó có hộ Phan Ngọc A*) là đất rừng phòng hộ.

Ngày 22/6/2018, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2691/QĐ-UBND về việc điều chỉnh loại đất thu hồi tại Quyết định số 4161/QĐ- UBND ngày 01/10/2009 của UBND thành phố T, với nội dung điều chỉnh từ loại đất: Từ đất trồng rừng sản xuất thành đất trồng rừng phòng hộ. Tuy nhiên, ông T không chấp hành và không đồng ý nhận tiền bồi thường và tiếp tục sử dụng đất.

2. Việc lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn T:

Ngày 23/12/2021, UBND phường P kiểm tra hiện trạng, phát hiện hộ ông T đang xây dựng công trình nhà ở trên phần diện tích đất đã có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án.

UBND phường P đã đề nghị ông T dừng việc xây dựng và tháo dỡ trả lại mặt bằng cho Nhà nước. Tuy nhiên, ông T không chấp hành; nên ngày 27/12/2021, UBND phường P đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông T về hành vi chiếm đất nông nghiệp (*Đất rừng phòng hộ*) để xây dựng công trình, với tổng diện tích đất vi phạm 105,4m<sup>2</sup>.

Ngày 28/12/2021, UBND phường P có Tờ trình số 300/TTr-UBND trình UBND thành phố; Phòng T đề nghị ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 24/01/2022, phòng T thành phố phối hợp cùng UBND phường P tiến hành xác minh việc vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn T.

Ngày 25/01/2022, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 08/QĐ-XPHC xử phạt hành chính đối với ông T, phạt tiền 8.000.000đ và biện pháp khắc phục hậu quả.

Tuy nhiên, kể từ ngày nhận Quyết định số xử phạt hành chính đã quá 10 ngày nhưng ông T chưa nộp phạt và chưa khắc phục hậu quả. Do đó, ngày 29/3/2022 UBND thành phố T có Thông báo đề nghị ông T chấp hành Quyết định xử phạt hành chính, thời gian thực hiện 07 ngày kể từ ngày nhận thông báo.

Đến ngày 15/4/2022, ông chưa chấp hành nộp phạt với số tiền 8.000.000đ và chưa thực hiện việc tháo dỡ công trình vi phạm trả lại đất đã chiếm cho Nhà nước.

Trên cơ sở kết quả xác minh, ngày 09/5/2022 phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T đề nghị cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T.

Ngày 25/5/2022, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 02/QĐ-CCXP cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn T.

Như vậy, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 08/QĐ-XPHC ngày 25/01/2022 xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 02/QĐ-CC ngày 25/5/2022 cưỡng chế đối với ông T là đúng quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu của vợ chồng ông T đề nghị hủy 02 Quyết định nêu trên là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông T yêu cầu bồi thường về tài sản và đất thì vào thời điểm năm 2009 khi thu hồi đất Nhà nước cũng đã lập phương án bồi thường về tài sản cho ông T, nhưng trường hợp của ông T không được bồi thường về giá trị đất, nên đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu của ông T.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** - Ủy ban nhân dân phường P **trình bày:** Thống nhất theo văn bản trình bày ý kiến của UBND thành phố T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* – Hạt kiểm lâm thành phố T: không có ý kiến trình bày.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:**

*Áp dụng Điều 32; điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 345, Điều 348 và Điều 358 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;*

**Tuyên xử:**

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Văn Thị Thanh N về các yêu cầu:

-Yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPHC, ngày 25/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-CCXP, ngày 25/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Yêu cầu bồi thường về giá trị đất khi bị thu hồi.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2023, ông Nguyễn Văn T, bà Văn Thị Thanh N kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Văn Thị Thanh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:*

Xét kháng cáo vợ chồng ông T - Nhận thì thấy:

[1] Ngày 18/7/2022, vợ chồng ông T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu UBND thành phố T phải bồi thường về tài sản và đất đối với thửa đất số 78, tờ

bản đồ địa chính số 21 thuộc khu vực phía Nam thành phố T, bồi thường mất thu nhập trong 23 năm tiếp theo sau khi bị thu hồi, bồi thường về công sức cải tạo đất, yêu cầu được cấp đất tái định cư, là thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Ngày 23/12/2021, UBND phường P, thành phố T kiểm tra hiện trạng tại khu vực đang thực hiện dự án: Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M thành phố T. Kết quả kiểm tra tại thửa đất số 78, tờ bản đồ địa chính số 21, phát hiện hộ ông T đang tiến hành xây dựng nhà ở trên đất đã có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án. UBND phường P đã đề nghị ông T dừng xây dựng và tháo dỡ trả lại mặt bằng cho Nhà nước, nhưng ông T không chấp hành; nên ngày 27/12/2021, UBND phường P đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông T và UBND thành phố T đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPHC ngày 25 tháng 01 năm 2022.

Tuy nhiên, kể từ ngày nhận Quyết định số 08/QĐ-XPHC xử phạt hành chính ngày 25/01/2022 của UBND thành phố T đã quá 10 ngày nhưng ông T chưa chấp hành nộp phạt và chưa thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả. Do vậy, ngày 29/3/2022, UBND thành phố T có Thông báo số 383/TB-UBND về việc đề nghị ông T chấp hành Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai, thời gian thực hiện 07 ngày kể từ ngày nhận thông báo.

Đến ngày 15/4/2022, UBND phường P có báo cáo số 55/BC- UBND về việc hộ ông T chưa chấp hành nộp phạt với số tiền 8.000.000đ và chưa thực hiện việc tháo dỡ công trình vi phạm trả lại đất đã chiếm cho Nhà nước.

Do đó, ngày 25/5/2022, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 02/QĐ-CCXP cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn T là có căn cứ.

Vì vậy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt đối với ông T của UBND thành phố T được ban hành theo trình tự, thủ tục đúng quy định pháp luật.

## [2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc đất ông T sử dụng là do Hạt kiểm lâm T giao đất rừng sản xuất cho ông Phan Ngọc A 0,5 Ha và giao cho ông Phan Văn D1 0,5 Ha, nhưng ông A và ông D1 không trực tiếp sản xuất mà đã chuyển nhượng cho ông T. Đây là đất Nhà nước giao cho các hộ dân trồng rừng phi lao, nhưng ông A và ông D1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T không được nhà nước địa phương cho phép là không đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, quá trình sử dụng đất ông T đã trồng cây ăn trái và cây ngắn ngày là không đúng mục đích sử dụng đất. Ngày 30/6/2009, UBND tỉnh P ban hành Quyết định số 1206/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng khu đô thị M thành phố T. Như vậy, năm 2009 UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất đối với các hộ dân đã được giao đất trồng rừng để thực hiện dự án là đúng quy định theo các Điều 38, 39, 40 của Luật Đất đai năm 2003 sửa đổi năm 2009.

Ông Nguyễn Văn T là người không được Nhà nước trực tiếp giao đất; việc nhận chuyển nhượng đất của ông T cũng trái quy định pháp luật, nên khi Nhà nước thu hồi đất mà không giao quyết định thu hồi cho ông T là đúng theo quy định pháp luật. Do đó, ông T khiếu nại về việc hộ gia đình ông không được nhận quyết định thu hồi đất là không có cơ sở.

Ngày 23/12/2021, UBND phường P kiểm tra hiện trường tại thửa đất số 78, tờ bản đồ địa chính 21, thuộc dự án hạ tầng khu đô thị N thành phố T, phát hiện hộ ông T xây dựng nhà ở; nên ngày 27/12/2021, UBND phường lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông T là đúng quy định theo Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Như vậy, về trình tự, thủ tục và nội dung Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 08/QĐ-XPHC ngày 25/01/2022 xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 02/QĐ-CC ngày 25/5/2022 cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T là đúng quy định pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Văn Thị Thanh N.

[2.2] Xét yêu cầu bồi thường của vợ chồng ông Nguyễn Văn T:

Đối với yêu cầu bồi thường về đất; yêu cầu được cấp đất và yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập 23 năm tiếp theo kể từ khi thu hồi đất:

Nguồn gốc đất ông T sử dụng là do Hạt kiểm lâm T giao cho ông Phan Ngọc A 0,5 Ha và giao cho ông Phan Văn D1 0,5 Ha, không thu tiền sử dụng đất, nhưng ông A và ông D1 không trực tiếp sản xuất mà đã chuyển nhượng cho ông T trồng cây ăn trái.

Đây là đất do Nhà nước giao cho các hộ dân để trồng rừng phi lao, không thu tiền sử dụng đất, tuy nhiên thực tế ông T là người trực tiếp sản xuất từ năm 1996 đến nay không có tranh chấp, vì vậy Ngày 28/12/2009, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 5438/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trong đó hộ ông Phan Ngọc A (Nguyễn Văn T) được hỗ trợ về tài sản số tiền 45.951.272 đồng, không bồi thường về đất là đúng. Ngày 10/4/2017, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1280/QĐ- UBND phê duyệt phương án BTHT&TĐC bổ sung lần 02, trong đó có trường hợp ông Phan Ngọc A (Nguyễn Văn T) được hỗ trợ số tiền 19.623.847 đồng.

Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Văn Thị Thanh N là có căn cứ.

[3] Về án phí phúc thẩm: Vợ chồng ông T được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 32; điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 345, Điều 348 và Điều 358 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Bác toàn bộ kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Văn Thị Thanh N; giữ nguyên các quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Về án phí phúc thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Văn T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSPA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phạm Tồn**